

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 920 3062 – 920 3063

Fax: (84.8) 920 3060 – 920 3061

Email: pinaco@hcm.vnn.vn

Website: <http://www.pinaco.com>





PINACO

2011

2012

2013

2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

2016

2017

2018

2019



I. THÔNG TIN CHUNG.....	01
■ Thông tin khái quát.....	02
■ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	05
■ Mô hình quản trị.....	07
■ Định hướng phát triển.....	09
■ Các rủi ro.....	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG.....	13
■ Tình hình hoạt động sản xuất KD.....	14
■ Tổ chức và nhân sự.....	15
■ Tình hình đầu tư, nghiên cứu phát triển.....	18
■ Tình hình tài chính.....	18
■ Cơ cấu cổ đông.....	21
■ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	23
III. BÁO CÁO BAN TGD.....	25
■ Đánh giá hoạt động kinh doanh.....	26
■ Thực hiện các chỉ tiêu.....	29
■ Tình hình tài chính.....	31
■ Kế hoạch phát triển.....	34
■ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, môi trường.....	37



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT.....38

- Đánh giá các mặt hoạt động.....39
- Kế hoạch, định hướng.....40

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....41

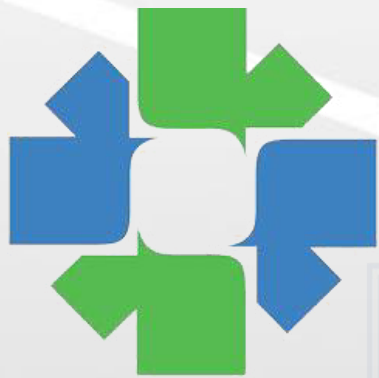
- Hội đồng quản trị.....42
- Ban kiểm soát.....45
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích HĐQT, BKS và Ban TGD.....48

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....49



Phần I

THÔNG TIN CHUNG



Vietnam Value



DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN



**THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
Tên tiếng Anh	: DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: PINACO
Giấy CNĐKKD	: Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18/12/2015
Vốn Điều lệ	: 309.812.930.000 VNĐ (Ba trăm lẻ chín tỷ, tám trăm mười hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	: Số 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	: (84.8) 3920 3062 – 3920 3063
Fax	: (84.8) 3920 3060 – 3920 3061
Email	: pinaco@pinaco.com.vn
Website	: www.pinaco.com
Mã cổ phiếu	: PAC
Niêm yết tại	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

• Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (PINACO), trước đây là Công ty Pin Ấc quy miền Nam, được Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976 trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy: pin Con Ó (Vidopin), pin Con Mèo, pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDEKO.

1993

• Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công Nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ấc quy Miền Nam (PINACO) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam.

1998

• Từ năm 1998, PINACO bắt đầu thực hiện liên tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới.

2003

• Đầu tư mới Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn tại Khu Công nghiệp Tân Tạo.

2004

• Từ ngày 01/10/2004, PINACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004.

2006

• PINACO niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UBCK-GPNY của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với mã chứng khoán là PAC với giá giao dịch là 40.000 đồng/cổ phiếu.

2011

• Đầu tư nhà máy sản xuất ắc quy mới tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai 2).

2012

• PINACO không ngừng đầu tư đổi mới thiết bị, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới, phù hợp với nhu cầu công nghệ ngày một cao của thị trường.

2015

• Tăng vốn điều lệ từ 269.878.430.000 đồng lên 309.812.930.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Trong suốt quá trình gần 40 năm hình thành và phát triển, với mục tiêu luôn tăng cường năng lực cạnh tranh nội tại để sẵn sàng quá trình hội nhập, PINACO đã đạt được những thành quả đáng tự hào cho Công ty nói riêng cũng như ngành điện hóa. Trong tình hình cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế hội nhập, PINACO vẫn bảo vệ vững chắc vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu ngành tại Việt Nam, và nhận được nhiều thành tích và danh hiệu cao quý do Nhà nước và các tổ chức trao tặng.



CÁC GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC

- 🏆 Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính Phủ (2013, 2014, 2015)
- 🏆 Thương hiệu Quốc gia (2012, 2014, 2015)
- 🏆 Top 5 Công ty chăm lo tốt nhất cho người lao động do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận (2015)
- 🏆 Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014)
- 🏆 Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014)
- 🏆 Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 2014
- 🏆 Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (2012)
- 🏆 Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 20 năm liền (1997 – 2016)
- 🏆 Huân chương độc lập hạng Nhất (2011, 2015), Nhì (2005), Ba (2002)
- 🏆 Chứng nhận ISO 14001 cho hệ thống quản lý môi trường (2013)
- 🏆 Chứng nhận ISO/TS 17025 cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013)
- 🏆 Chứng nhận ISO 9001 – hệ thống quản lý chất lượng (2011)
- 🏆 Chứng nhận ISO/TS 16949:2009 – hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011)
- 🏆 Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011)
- 🏆 Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011)
- 🏆 Cổ phiếu Vàng (2009)
- 🏆 TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008)
- 🏆 Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008)
- 🏆 Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2000)
- 🏆 Huân chương Lao động hạng Ba (2000)



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ Địa bàn kinh doanh

- Trong nước: Công ty có 1 văn phòng chính tại Quận 1, TP Hồ Chí Minh, 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy, 1 xí nghiệp sản xuất pin - tất cả đặt tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai. 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng. Địa bàn kinh doanh phủ khắp toàn quốc.
- Xuất khẩu: Hiện sản phẩm của PINACO đã được xuất khẩu sang hơn 29 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có: Cambodia, Trung Đông, Brunei, Hồng Kông, Nigeria, Algeria, Yemen, Myanmar, Trung Quốc, Sri Lanka, Lebanon, Jordan, Sudan, v.v...

❖ Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất Pin và Ắc quy: Cung cấp đa dạng các chủng loại Pin và Ắc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại Ắc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ắc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ắc quy dân dụng dùng thấp sáng, xe điện và Ắc quy công nghiệp các loại, v.v...
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh Pin, Ắc quy.

❖ Sản phẩm tiêu biểu

Sản phẩm của PINACO đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v... và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp xe ô tô hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, Vietnam Suzuki, Honda, Piaggio, Yamaha, Mercedes - Benz Vietnam, v.v...





KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU



Mercedes-Benz



Go Further



DAEWOO



mazda



HYUNDAI



TMT MOTORS



VEAM MOTOR



KIA MOTORS
The Power to Surprise™



YAMAHA



PIAGGIO®

THACO
TRUONG HAI AUTO



JAC
MOTORS



Way of Life!



T&T GROUP



HUUTOAN

Arirang®
www.arirang.com.vn



Giá rẻ cho mọi nhà!

VTB

Vitek VTB



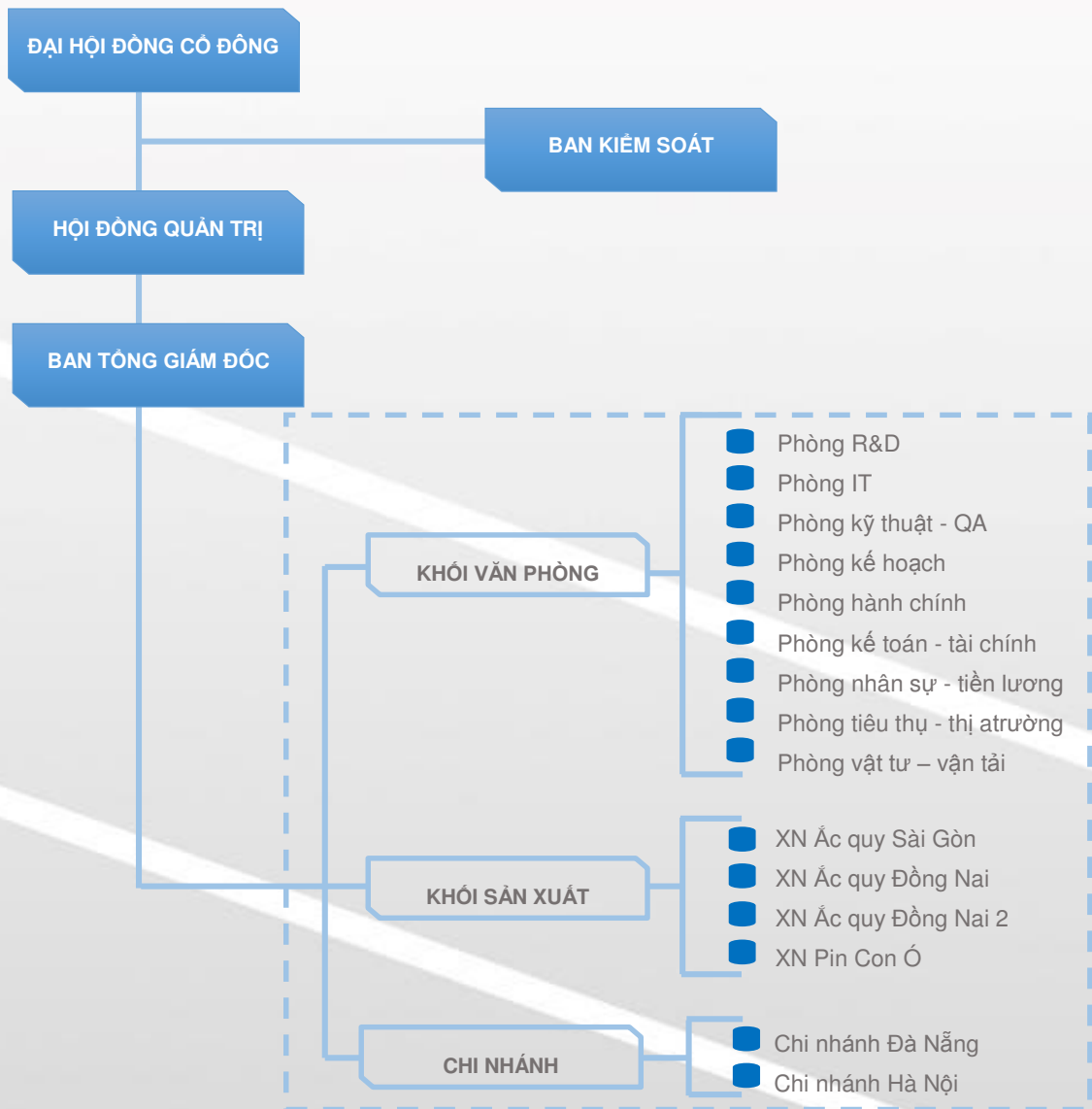
co.op mart
bạn của mọi nhà



GIMIKO



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



**Đơn vị trực thuộc**

Các xí nghiệp	
Xí nghiệp Pin Con Ó 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP. HCM Điện Thoại: (84 8) 38750 556	Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai Điện thoại: (84 61) 3 836 116
Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM Điện thoại: (84 8) 37 540 244	Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2 Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai Điện thoại: (84 61) 3 569 968

Các chi nhánh	
Chi nhánh Hà Nội 18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, Hà Nội Điện thoại : (84 4) 39 333 611	Chi nhánh Đà Nẵng 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại : (84 511) 3 649 957

Trung tâm Bảo hành		
Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Bắc 02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Điện thoại: (84 4) 3826 1030	Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Trung 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng Điện thoại: (84 511) 3769 055	Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Nam Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM Điện thoại: (84 8) 3754 1151

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm		
321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: (84 8) 8368 529	21-23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: (84 8) 293 932	752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM Điện thoại: (84 8) 38752 230
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai Điện thoại : (84 61) 3 836 116	02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: (84 4) 38 261 030	348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng Điện thoại: (84 511) 3769 055

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



❖ Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển ổn định, bền vững trên cơ sở luôn đầu tư, cải tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ vượt trội, giữ vững vị thế hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Pin vàẮ quy tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược kinh doanh

- ◆ Tập trung sản xuất, phát triển sản phẩm truyền thống là Pin vàẮ quy;
- ◆ Nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên kết hợp các yếu tố: sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, giá cả hợp lý, chính sách chăm sóc khách hàng ưu việt;
- ◆ Giữ vững và không ngừng mở rộng thị phần tại thị trường nội địa thông qua hệ thống phân phối tại ba miền đất nước;
- ◆ Phát triển thị trường xuất khẩu hiện tại và khai thác thị trường mới trên cơ sở tận dụng cơ hội khi Việt Nam hội nhập kinh tế toàn cầu.

Chiến lược đầu tư

- ◆ Luôn cập nhật, đầu tư công nghệ và thiết bị sản xuất hiện đại nhằm duy trì chất lượng sản phẩm vượt trội và đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường;
- ◆ Chú trọng hoạt động nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm và phát triển công nghệ mới nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu mới của thị trường;
- ◆ Đổi mới, đầu tư thiết bị ngành pin để nâng cao năng suất, chất lượng, và tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư, phát triển ngành pin.

Chính sách về cổ tức

- ◆ Đảm bảo mức cổ tức ổn định, không thấp hơn 1,5 lần lãi suất huy động của ngân hàng trên cơ sở hiệu quả hoạt động kinh doanh từng năm và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chiến lược nguồn nhân lực

Với nhận thức nhân lực là nhân tố then chốt quyết định thành công của doanh nghiệp, PINACO luôn chú trọng công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực thông qua các công tác như sau:

- ◆ Tuyển dụng nhân sự có đào tạo, chuyên môn phù hợp với công việc;
- ◆ Xây dựng và thông báo minh bạch đến toàn thể CB-CNV về chính sách bồi dưỡng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ kế thừa nhằm tạo động lực cống hiến đến từng CB-CNV;
- ◆ Xây dựng và áp dụng chính sách lương, thưởng, phúc lợi công bằng cho người động, từ đó tạo điều kiện thuận lợi giúp họ yên tâm gắn bó lâu dài tại Công ty;
- ◆ Tôn trọng quyền bình đẳng nam nữ, không phân biệt đối xử về mặt giới tính trong tuyển dụng lao động và trả lương đảm bảo sự công bằng về năng lực của mỗi người.

Chiến lược quản lý

- ◆ Xây dựng và cam kết duy trì môi trường quản lý minh bạch, hiệu quả, lấy sự hài lòng của khách hàng là chuẩn mực để hoàn thiện công tác quản lý;
- ◆ Cải tiến hệ thống quản lý theo chuẩn mực quốc tế nhằm sẵn sàng cho quá trình hội nhập.

❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng**Chính sách về môi trường**

- ◆ Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường trên cơ sở đã đầu tư hệ thống quản lý môi trường, trang thiết bị thu gom, xử lý và kiểm soát các yếu tố ô nhiễm theo chuẩn;
- ◆ Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ngay từ nguồn, kiểm soát chặt chẽ các nguy cơ có thể gây ô nhiễm;
- ◆ Duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

Trách nhiệm xã hội

- ◆ Cam kết sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn đối với con người và môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan;
- ◆ Thực hiện trách nhiệm đối với xã hội thông qua các hoạt động tự thiện, hỗ trợ cộng đồng, chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn, góp phần giảm áp lực cho xã hội.

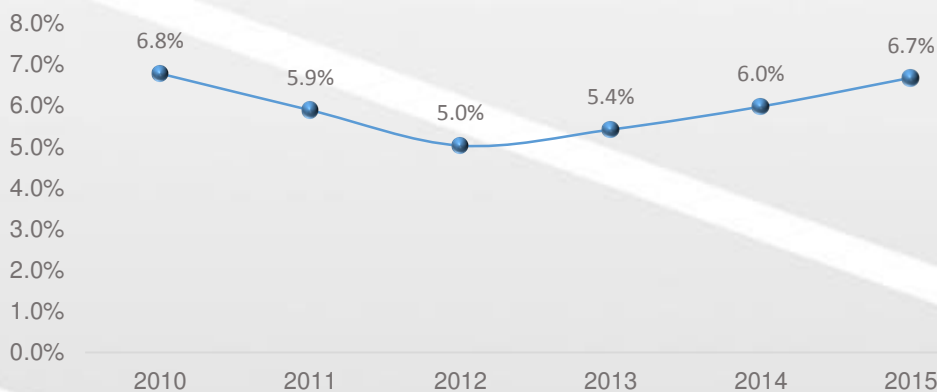


CÁC RỦI RO

❖ Rủi ro kinh tế vĩ mô

Kinh tế thế giới năm 2015 nhìn chung phát triển chậm nhưng đã xuất hiện một số tín hiệu lạc quan. Có thể thấy, sau hơn 7 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (năm 2008), kinh tế thế giới vẫn chưa lấy lại được đà tăng trưởng như trước đó. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 là 2,4%, mức tăng trưởng này chủ yếu do nhóm các quốc gia đang phát triển dẫn dắt. Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn nằm trong số ít quốc gia có tốc độ phục hồi ấn tượng. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2015 đạt 6,68%, duy trì tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước (năm 2012 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và năm 2015: 6,68%). Tuy vậy, Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và khó khăn, Để hạn chế các ảnh hưởng từ rủi ro của nền kinh tế, Công ty luôn chuẩn bị các phương án hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt nhằm ứng phó kịp thời với sự thay đổi của nền kinh tế.

Tăng trưởng GDP qua các năm



Rủi ro lãi suất

Với đặc thù doanh nghiệp là vay ngắn hạn chiếm 30% - 40% trong tổng nguồn vốn và chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn nên biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất cho vay VND và USD đối với PINACO lần lượt ở mức 4,1% - 4,3%/năm và 1,5% - 2,2%/năm. Đây là mức lãi suất thấp so với thị trường do PINACO được đánh giá mức độ tín nhiệm cao và khả năng tài chính lành mạnh. Chính điều này đã giúp Công ty ít chịu ảnh hưởng bởi rủi ro lãi suất.

Rủi ro tỷ giá

Với đặc thù 70% nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào là nhập khẩu và 20% doanh thu từ xuất khẩu nên biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến giá thành và kết quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro từ tỷ giá, Công ty luôn chủ động chuẩn bị các phương án dự phòng để giảm thiểu rủi ro này.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Hơn 70% nguyên liệu chỉ được PINACO nhập khẩu từ nước ngoài nên khi giá chỉ biến động sẽ ảnh hưởng mạnh đến giá thành sản phẩm. Theo đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm thêm nguồn nguyên liệu từ thị trường nội địa với chất lượng tương ứng để duy trì sản xuất ổn định.

Rủi ro pháp lý

Là Công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, PINACO phải tuân thủ và chịu sự ảnh hưởng của các luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, v.v... Các văn bản lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các sản phẩm chính của Công ty gồm pin và ắc quy, là nhóm sản phẩm được liệt vào nhóm sản phẩm gây ô nhiễm môi trường cao nên Công ty luôn phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn môi trường và xây dựng nhà máy trong các khu công nghiệp.

Rủi ro sản phẩm thay thế

Trong xu hướng công nghệ ngày càng phát triển, hiện nay có rất nhiều sản phẩm thay thế cho các loại sản phẩm pin và ắc quy thông thường. Tuy nhiên, do các sản phẩm này chỉ tập trung ở một vài phân khúc nhất định như: đèn sạc, điện thoại, v.v... trong khi các ngành hàng như ô tô, xe máy, v.v... phần lớn vẫn tiếp tục sử dụng ắc quy chì acid và pin truyền thống, nên rủi ro thay thế các sản phẩm pin và ắc quy vẫn chưa cao. Tuy vậy, Công ty luôn chú trọng hoạt động nghiên cứu tìm kiếm công nghệ mới thay thế công nghệ hiện tại nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, v.v... là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty. Do đó, PINACO luôn ý thức phải phòng chống những rủi ro này thông qua việc đảm bảo các biện pháp an toàn trong lao động sản xuất, đồng thời tích cực thực hiện cam kết bảo vệ môi trường.

RISK





Phần II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

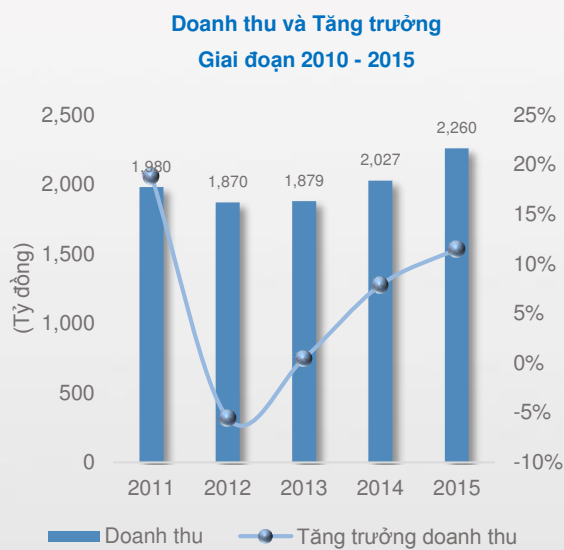


PINACO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2015	TH 2015/ TH 2014	TH 2015/ KH 2015
Doanh thu	Tỷ đồng	2.027	2.260	2.100	111,49%	7,60%
LNTT	Tỷ đồng	95	121	100	127,64%	21,00%
Cổ tức	%	45	(*)25	>=15	55,56%	166,67%

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 10% và chờ ĐHQĐ thông qua



Năm 2015, Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu đạt 2.260 tỷ đồng, tăng trưởng 11,49% so với năm 2014 và vượt 7,6% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 121 tỷ đồng, tăng 26 tỷ đồng, tương ứng tăng 26,8% so với năm 2014 và vượt đến 21% so với kế hoạch.

Doanh thu tăng trưởng 11,49%, trong đó đặc biệt tiêu thụ Pin tăng 7% cao hơn hẳn so với mức từ 1% - 4% ở các năm trước.

Chi phí của công ty cũng được quản lý khá tốt khi chi phí bán hàng trên doanh thu đạt 8,6%, thấp hơn 3,1%, giảm 45 tỷ đồng và chi phí quản lý trên doanh thu đạt 1,7%, thấp hơn 0,1%, so với năm 2014.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

❖ Ban điều hành

Ông TRẦN THANH VĂN

Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT kiêm Bí thư Đảng ủy

Sinh năm: 1960

Quê quán: Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí – Thạc sĩ Kinh tế

Lý luận chính trị: Cao cấp chính trị

Số cổ phần nắm giữ: 84.870 cổ phiếu

Ông LÊ VĂN NĂM

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1967

Quê quán: Đồng Tháp

Trình độ Chuyên môn: Kỹ sư hóa

Số cổ phần nắm giữ: 2.385 cổ phiếu

Ông NGUYỄN DUY HƯNG

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1973

Quê quán: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

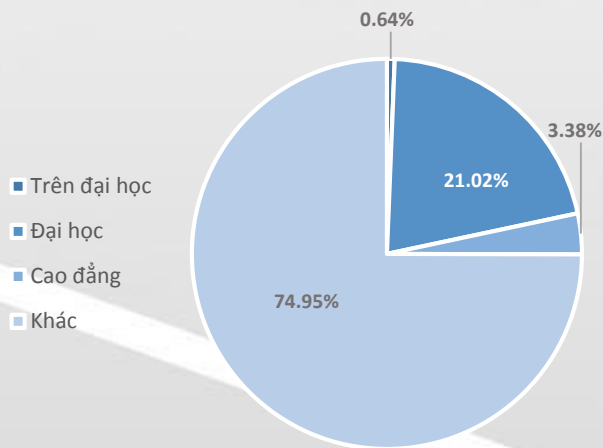
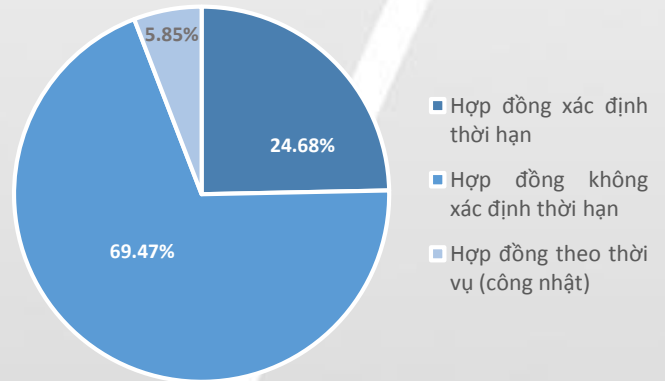
Số cổ phần nắm giữ: 568 cổ phiếu

Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Bà Nguyễn Bảo Hạnh miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc từ 01/05/2015;
- Ông Lê Văn Năm được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc từ 12/05/2015.

❖ Chính sách đối với người lao động trong Công ty
Cơ cấu lao động Công ty năm 2015

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	1.094	100,00%
1	Trên đại học	7	0,64%
2	Đại học	230	21,02%
3	Cao đẳng	37	3,38%
4	Khác	820	74,95%
II	Theo loại hợp đồng lao động	1.094	100,00%
1	Hợp đồng xác định thời hạn	270	24,68%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	760	69,47%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	64	5,85%

Cơ cấu LĐ theo trình độ

Cơ cấu LĐ theo hợp đồng


❖ Công tác Nhân sự - Tiền lương

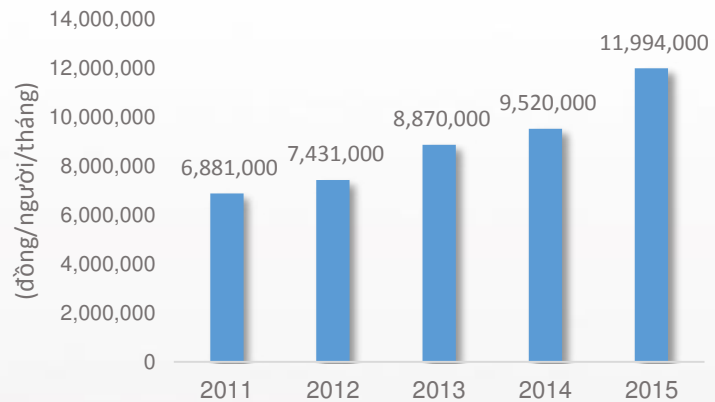
- ◆ Năm 2015, Công ty đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên, tổng hợp phân tích và đưa ra kế hoạch hành động cải tiến tại các đơn vị trong năm 2016.
- ◆ Xây dựng quy chế trả lương cho toàn công ty gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả mà người lao động đóng góp.

- ◆ Hoàn tất các thủ tục và đề xuất ký hợp đồng Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24 với giá cả hợp lý, chất lượng để người lao động yên tâm làm việc.
- ◆ Phối hợp với phòng KT-QA tích hợp MTCL và KPIs để các đơn vị dễ dàng thực hiện.

❖ Hoạt động phong trào

- ◆ Năm 2015, Công ty phát động 2 đợt thi đua – phần đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2015, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ Công ty và Đại hội XII của Đảng.
- ◆ Tổ chức nhiều hội thi kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty nhằm phát huy tính sáng tạo và tinh thần đoàn kết, gắn bó trong CBCNLD như: Thi nấu ăn, làm báo tường và tổ chức 2 đợt hội thao cho công nhân lao động.
- ◆ Phong trào sáng kiến – sáng tạo, thi đua thực hành tiết kiệm – chống lãng phí đã được phát huy rất tốt. Trong năm 2015, Công ty có tất cả 203 ý tưởng và sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mang lại giá trị làm lợi cao. Trong đó có 3 sáng kiến đề xuất được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cấp bằng lao động sáng tạo.

Mức thu nhập bình quân



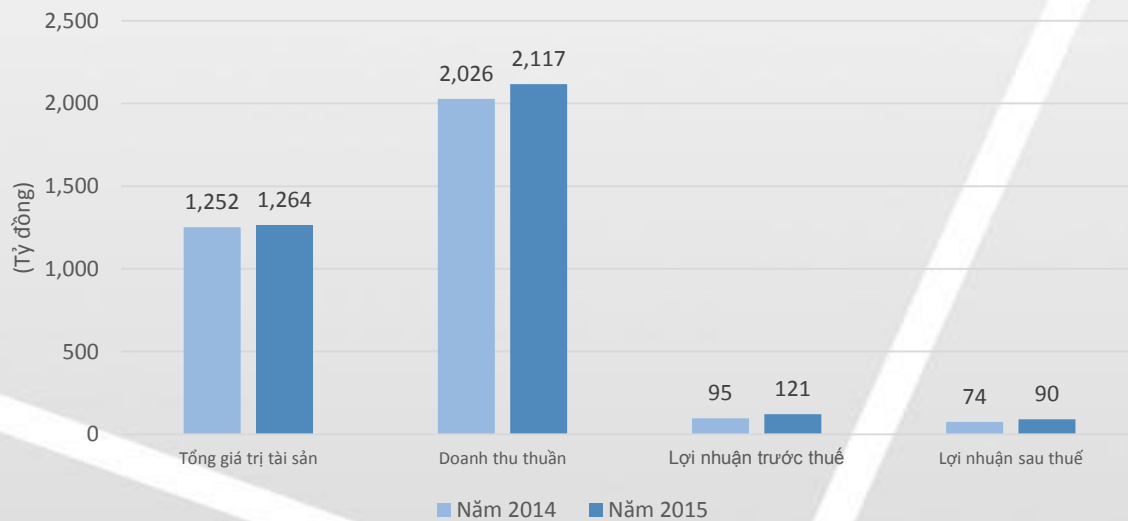


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ Tình hình tài chính

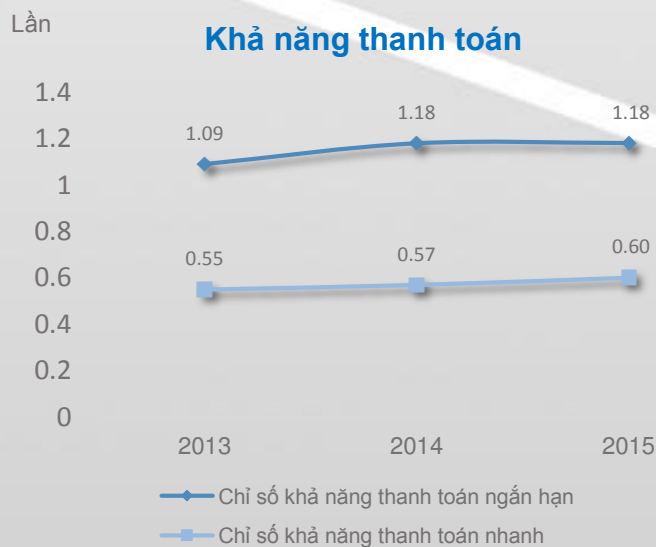
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.264.214	1.251.690	1,00%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.116.802	2.026.331	4,46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	121.374	94.758	28,09%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(422)	688	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	120.952	95.447	26,72%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	90.476	74.409	21,59%
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	(*)25	45	(44,44%)

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 10% và chờ ĐHCĐ thông qua



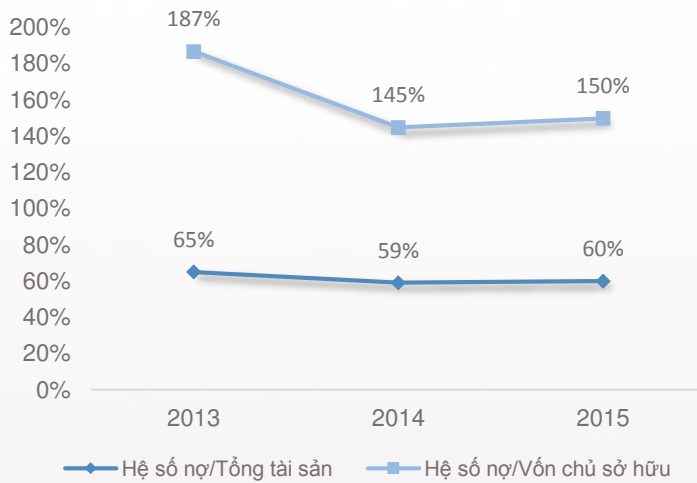
❖ Các hệ số tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,57
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,97	59,10
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	149,79	144,70
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,72	3,50
Hiệu suất sử dụng tài sản	Lần	1,68	1,51
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,27	3,67
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,78	14,76
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,19	5,56
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,73	4,68


Khả năng thanh toán

Công ty duy trì khả năng thanh toán an toàn khi hệ số thanh toán ngắn hạn luôn duy trì trên 1, đạt mức 1,18 lần. Hệ số thanh toán nhanh đạt 0,6 lần, tăng nhẹ so với mức 0,57 lần năm 2014. PINACO duy trì các chỉ số về khả năng thanh toán trong giai đoạn 2012-2015 khá ổn định, điều này cho thấy khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo.

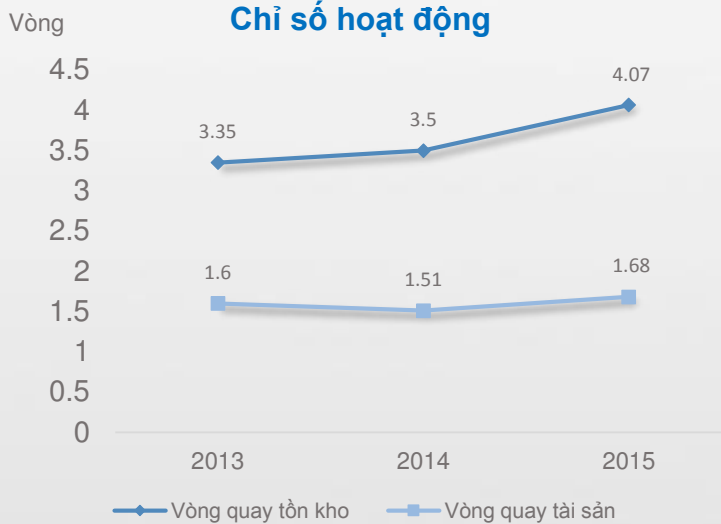
Cơ cấu vốn



Mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính

Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu duy trì ổn định so với năm 2014 và duy trì lần lượt ở mức 60%; 150%. Trong đó, khoản vay ngắn hạn luôn chiếm khoảng 60% trong tổng nợ phải trả. Tuy nhiên, đây là mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp với đặc thù ngành và vẫn đảm bảo an toàn.

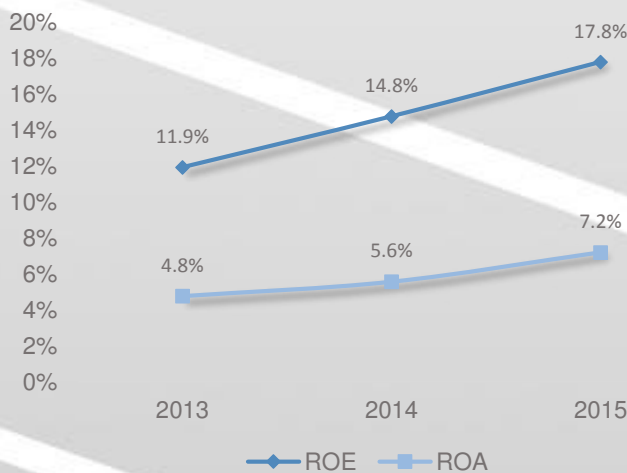
Chỉ số hoạt động



Năng lực hoạt động

Vòng quay tồn kho và hiệu suất sử dụng tài sản đều tăng so với năm 2014. Trong đó, vòng quay tồn kho và hiệu suất sử dụng tài sản lần lượt đạt mức 4,07 vòng và 1,68 lần. Điều này cho thấy Công ty hoạt động ngày càng hiệu quả khi giảm được chi phí sử dụng vốn cho hàng tồn kho và sử dụng tài sản ngày càng hiệu quả.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời



Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời đều gia tăng so với năm 2014 và duy trì xu hướng tăng từ 2013 đến nay. Trong đó, biên lợi nhuận ròng, ROE, ROA và biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lần lượt đạt mức 17,78%, 7,2%, 4,27% 5,73%. Điều này cho thấy Công ty hoạt động rất tốt và ngày càng tăng trưởng.

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG****❖ Cổ phần**

- Tổng số cổ phần phát hành: 30.981.293 cổ phần
- *Cổ phiếu quỹ* : 362.812 cổ phần
- *Cổ phiếu đang lưu hành* : 30.618.481 cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

❖ Cơ cấu cổ đông (ngày 09/12/2015)

STT	Loại cổ đông	Số lượng (CP)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	22.698.319	226.983.190.000	73,3%
1	Cổ đông tổ chức	16.240.108	162.401.080.000	52,4%
1.1	<i>Cổ đông Nhà nước</i>	<i>15.932.182</i>	<i>159.321.820.000</i>	<i>51,4%</i>
2	Cổ đông cá nhân	6.095.399	60.953.990.000	19,7%
II	Cổ đông nước ngoài	7.920.162	79.201.620.000	25,6%
1	Cổ đông tổ chức	7.521.185	75.211.850.000	24,3%
2	Cổ đông cá nhân	398.977	3.989.770.000	1,3%
III	Cổ phiếu quỹ	362.812	3.628.120.000	1,2%
Tổng cộng		30.981.293	309.812.930.000	100,0%

❖ Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (CP)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM	15.932.182	159.321.820.000	51,43%
2	BEIRA LIMITED	1.614.386	16.143.860.000	5,21%

**❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Trước thay đổi	Thay đổi	Sau thay đổi	Nguyên nhân
01	Vốn điều lệ (VNĐ)	269.878.430.00 0	39.934.500.000	309.812.930.00 0	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
02	Tổng số cổ phiếu	26.987.843	3.993.450	30.981.293	
03	Số lượng cổ phiếu quỹ	362.812	-	362.812	
04	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	26.625.031	3.993.450	30.618.481	

❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có.

**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI****❖ Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

STT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Tổng cộng
1	Chì	kg	20.235.226
2	Acid Sulfuric	kg	3.004.598
3	Điện	KWH	22.866.089
4	Nước	M ³	198.826
5	Gas	Lít	1.630.786
6	Kẽm	kg	1.241.065

Chì phế liệu trong quá trình sản xuất được PINACO thu gom và giao cho 1 đơn vị gia công tái chế lại để đưa vào sản xuất, tỷ lệ tái chế đạt 62%.

❖ Tiêu thụ năng lượng:

Công ty luôn chủ động tiết kiệm tối đa các nguồn năng lượng, thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, Công ty đã tiết giảm được từ 5%-10% lượng Gas và điện so với định mức.

❖ Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước được sử dụng trong các nhà máy:

Nhà máy	Nguồn cung cấp	Lượng sử dụng (m ³)	
		Năm 2014	Năm 2015
Đồng Nai	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	93.145	123.145
Đồng Nai 2	CTCP Đầu tư Vinatex - Tân Tạo	63.159	72.400
Tổng cộng		156.304	195.545

Ngoài ra, Công ty cũng chủ động triển khai xử lý và tái sử dụng một phần lượng nước đã qua xử lý nhằm mục đích tiết kiệm nguồn tài nguyên đang ngày càng cạn kiệt này, trong đó:

- ◆ Lượng nước tái sử dụng sau xử lý nước thải để rửa nền khu vực hoá thành: 1.049 m³.
- ◆ Sử dụng hệ thống lọc nước RO thay thế hệ thống lọc nước sử dụng cột lọc lon: 3.000 m³.
- ◆ Lắp hệ thống hoàn lưu nước tới trực cán trát cao: 300 m³.

❖ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ luật pháp và chấp hành các quy định về môi trường, do đó Công ty không bị bất cứ xử phạt nào do vi phạm.

❖ Chính sách liên quan đến người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo phân loại nhân viên:

- ◆ Bình quân lao động trực tiếp: 15 giờ/năm/người.
- ◆ Bình quân lao động gián tiếp: 9 giờ/năm/người.
- ◆ Bình quân lao động quản lý: 12 giờ/năm/người.
- ◆ Bình quân nhân viên: 13 giờ/năm/người.

Các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động:

- ◆ Chương trình hướng dẫn trực tiếp trên công việc áp dụng cho nhân viên mới, công nhân mới và nhân viên tập sự.
- ◆ Chương trình đào tạo nội bộ: Công ty thiết kế các chương trình riêng để đào tạo về chuyên môn, kỹ năng và tuyên truyền nhận thức, tăng cường thái độ làm việc tích cực cho nhân viên.
- ◆ Chương trình đào tạo cán bộ quản lý: áp dụng cho các cán bộ quản lý, bao gồm những chương trình nâng cao kỹ năng quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn cho các nhà quản lý cấp trung và cấp cao.
- ◆ Chương trình đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ các đoàn thể.
- ◆ Chương trình đào tạo trình độ chuyên môn và kỹ năng do Công ty liên kết với bên ngoài để đào tạo cho nhân viên.



Phần III

BÁO CÁO

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



PINACO



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.260.210	2.027.040
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	143.408	710
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.116.802	2.026.331
4	Giá vốn hàng bán	1.744.355	1.648.833
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	372.447	377.498
6	Doanh thu hoạt động tài chính	19.873	21.073
7	Chi phí tài chính	39.189	29.872
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>9.590</i>	<i>18.685</i>
8	Chi phí bán hàng	193.327	237.436
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.429	36.504
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	121.374	94.758
11	Thu nhập khác	2.060	1.007
12	Chi phí khác	2.481	319
13	Lợi nhuận khác	(422)	688
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	120.952	95.447
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.456	20.597
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.981)	441
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	90.476	74.409
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	2.334	1.920



Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 tới nay. Điều này cho thấy tình hình kinh tế vĩ mô khá ổn định. Tuy nhiên, tình hình thế giới bất ổn do xung đột địa chính trị ở nhiều khu vực và nền kinh tế Trung Quốc giảm tốc độ tăng trưởng ít nhiều đã ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh nói chung.

➤ **Thuận lợi**

- ◆ Năm 2015 tình hình kinh tế vĩ mô khá ổn định và đạt mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Giá vật tư đầu vào thấp giúp công ty thuận lợi hơn trong việc thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận đề ra. Chính sách thắt chặt tài trợ xe giúp ngành lắp ráp ô tô tăng trưởng cao dẫn đến nhu cầu ắc quy tăng mạnh. Chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng được cải tiến tạo niềm tin cho người tiêu dùng, góp phần nâng khả năng cạnh tranh của sản phẩm PINACO trên thị trường.

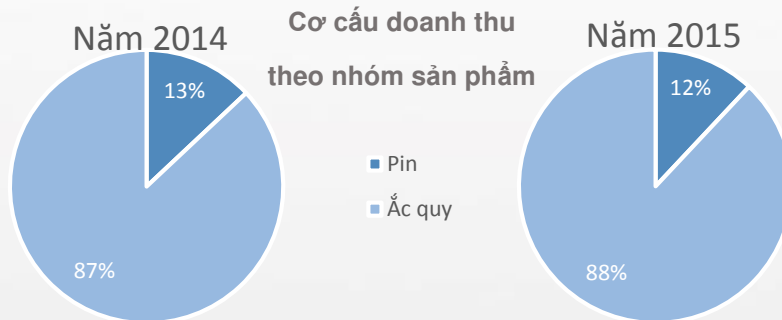
➤ **Khó khăn**

- ◆ Việc Trung quốc phá giá đồng Nhân Dân Tệ và tình hình bất ổn ở một số thị trường nước ngoài gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu. Tỷ giá USD/VNĐ biến động mạnh cuối năm cũng khiến lợi nhuận của công ty sụt giảm trong quý 4.

OPPORTUNITIES
THREATS

Trong năm 2015, sản phẩm ắc quy vẫn chiếm tỷ trọng chính, đạt 1.987 tỷ đồng, chiếm 88% trong tổng doanh thu, đóng góp 88,5% trong cơ cấu lợi nhuận gộp. Còn lại là sản phẩm pin chiếm 12% trong cơ cấu doanh thu, đạt 267 tỷ đồng, đóng góp 41 tỷ đồng, tương ứng 10,9% trong tổng lợi nhuận gộp. Cơ cấu này không biến động nhiều so với năm 2014.

Nhìn chung, nhu cầu tiêu thụ pin ở thị trường nội địa đã bão hòa và hoạt động sản xuất pin chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa. Do đó, PINACO tập trung kinh doanh và tăng trưởng mảng kinh doanh ắc quy khi nhu cầu của sản phẩm này ngày càng gia tăng.



➤ Thành quả đạt được

Năm 2015 là một năm thành công toàn diện của Công ty với kết quả hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đề ra: Giá trị sản xuất Công nghiệp tăng trưởng 16% so với cùng kỳ, doanh thu tiêu thụ tăng trưởng 12% so cùng kỳ, mức cao nhất trong vòng 5 năm qua. Đặc biệt, tiêu thụ Pin tăng 7%. Lợi nhuận trước thuế đạt 121 tỷ đồng, tăng 26,8% so năm trước. Thu nhập người lao động bình quân trước thuế 12,7 triệu đồng/người/tháng, tăng hơn 4,5% so với 2014. PINACO đã thực hiện được 4 đợt phá lớn, góp phần quan trọng vào thành tích ấn tượng của Công ty trong năm nay và tạo điều kiện để Công ty tiếp tục phát triển trong tương lai. Cụ thể:

- ◆ Cắt đứt đà suy giảm và từng bước giành lại thị phần đối với dòng ắc quy xe gắn máy bằng sản phẩm ắc quy gắn máy kín (PTX), đạt mức tăng trưởng cao hơn 27% so năm trước;
- ◆ Dòng sản phẩm mới ắc quy CMF có tốc độ tăng trưởng hơn 45% so với 2014 đã đóng góp lớn vào tăng trưởng doanh thu của Công ty.
- ◆ Ngành ắc quy bước đầu được quy hoạch theo hướng chuyên môn hóa đã tạo điều kiện để các xí nghiệp nâng năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh với các công ty đối thủ.
- ◆ Ngành Pin đã chính thức hoạt động có lợi nhuận tốt thông qua việc đầu tư thiết bị có năng suất cao, sắp xếp hợp lý hóa sản xuất, thay đổi nguồn cung cấp vật tư, cải tiến kỹ thuật, v.v...

Thành công này đánh dấu công sức, trí tuệ và quyết tâm của tập thể cán bộ người lao động góp thêm vào thành tích chung hướng đến chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty.

❖ Thực hiện các chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% So sánh
Doanh thu	Tỷ đồng	2.100	2.260	107,6%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	121	121,0%
Cổ tức	%	>=15	(*)25	166,67%

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 15%, dự kiến chia thêm 10% và chờ ĐHĐCĐ thông qua

Trong năm 2015, PINACO đã hoàn thành chỉ tiêu đề ra với doanh thu đạt 107,6% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 121% kế hoạch. So với năm 2014, doanh thu thuần của PINACO tăng trưởng 4,4%, trong khi lợi nhuận trước thuế tăng 26,8%.

➤ Về thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

- ◆ Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của thị trường, công ty đã kịp thời tung ra những chương trình thúc đẩy tiêu thụ linh hoạt, phù hợp nhằm cạnh tranh thắng lợi trên từng điểm bán. Rà soát, thay thế những nhà phân phối, đại lý không còn đủ năng lực để việc phục vụ thị trường được liên tục và ổn định. Kết quả doanh thu bán hàng trên các thị trường đều tăng trưởng cao so cùng kỳ;
- ◆ Công tác xuất khẩu cũng đã rất nỗ lực vượt qua khó khăn, tìm mở thêm thị trường, đến nay sản phẩm của PINACO đã được xuất khẩu đến 29 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên do phải điều chỉnh giá bán để cạnh tranh nên mặc dù sản lượng xuất khẩu tăng 6% nhưng doanh thu xuất khẩu chỉ đạt bằng năm trước.
- ◆ Công tác marketing cũng được quan tâm đẩy mạnh: trong năm đã triển khai các hoạt động quảng cáo, truyền thông nhằm nâng cao hình ảnh thương hiệu như: chương trình Thứ 7 cuồng nhiệt trên Bóng đá TV, trò chuyện với Bác tài trên kênh VOV, VOH, v.v...

➤ Về hoạt động Kỹ thuật – Sản xuất:

- ◆ Điều phối sản xuất linh hoạt để đáp ứng kịp thời nhu cầu bán hàng trong nước và xuất khẩu. Sau khi thực hiện quy hoạch lại sản xuất ắc quy cuối năm 2014 theo hướng chuyên môn hóa đã giúp giảm mạnh chi phí sản xuất và phát huy tốt năng lực sản xuất của ngành ắc quy.
 - ◆ Triển khai nhiều biện pháp nhằm tiết giảm chi phí trong sản xuất: kiểm soát chặt tiêu hao vật tư, chuẩn hóa công nghệ, bán thành phẩm, xử dụng vật tư trong nước thay thế nguồn nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm chất lượng, v.v... góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận.
- Công tác quản lý tài chính:**
- ◆ Theo dõi sát tình hình biến động tỷ giá, lãi suất để đàm phán với các ngân hàng nhằm đạt được lãi suất hợp lý nhất. Quản lý dòng tiền hiệu quả, bảo đảm thanh khoản và tận dụng nguồn vốn nhàn rỗi gửi kỳ hạn ở các ngân hàng uy tín, mang lại thu nhập 15,1 tỷ đồng cho công ty.
 - ◆ Quản lý chặt chi phí tồn kho, công nợ khách hàng, không để phát sinh nợ khó đòi. Tốc độ quay vòng hàng tồn kho đạt 3,72 vòng/năm, tăng 7% so năm trước.



➤ **Công tác Khoa học - Kỹ thuật và nghiên cứu phát triển:**

- ◆ Nghiên cứu thay thế thành công một phần vật tư, chi giảm nhập bằng nguồn cung trong nước trong khi vẫn bảo đảm chất lượng sản phẩm ổn định và vượt trội so với các sản phẩm cạnh tranh trên thị trường. Nghiên cứu hoàn thiện một số sản phẩm phù hợp với nhu cầu sử dụng.

➤ **Công tác đầu tư:**

- ◆ Tiến hành các dự án đầu tư theo đúng tiến độ kế hoạch với tổng kinh phí trên 31 tỷ đồng.

Về các dự án khai thác mặt bằng ở TP.HCM:

- ◆ Dự án xây dựng Trung tâm Thương mại, cao ốc văn phòng tại cơ sở 445 - 449 Gia Phú: Phương án thiết kế đã được Bộ xây dựng thẩm định, đang chờ sở xây dựng TP. HCM cấp phép xây dựng.
- ◆ Dự án hợp tác khai thác mặt bằng 752 Hậu Giang: Đã ký hợp đồng hợp tác với công ty cổ phần Thương mại Địa ốc Việt (Vietcomreal) để đầu tư khu Trung tâm thương mại, dịch vụ trên khu đất này.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

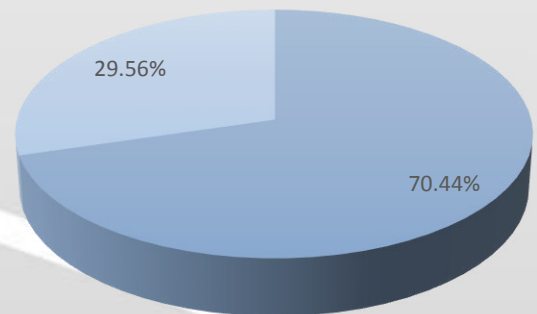
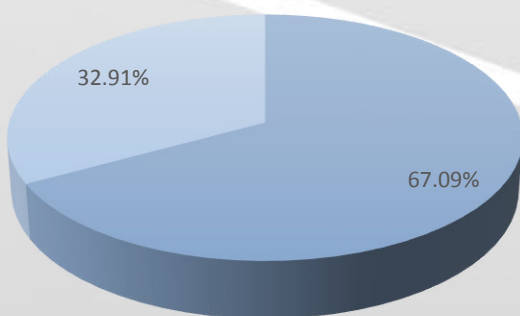
Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% +/- so với 2014
Tài sản ngắn hạn	890.569	839.740	6,1%
Tài sản dài hạn	373.645	411.950	(9,3%)
TỔNG TÀI SẢN	1.264.214	1.251.690	1,0%

Năm 2015, tổng tài sản của Công ty đạt 1.264 tỷ đồng, tăng 13 tỷ, tương ứng tăng 1% so với năm 2014. Cơ cấu tài sản không thay đổi nhiều so với năm trước khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm đến 70,44% trong cơ cấu tài sản của Công ty. Năm qua, một số sự thay đổi trong tài sản của Công ty bao gồm:

- ❖ Tài sản ngắn hạn đạt 891 tỷ đồng, tăng 51 tỷ đồng, tương ứng tăng 6,1% so với năm 2014. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tăng 55 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn, tăng 46 tỷ đồng so với cùng kì năm trước.
- ❖ Tài sản dài hạn của Công ty đạt 374 tỷ, giảm 9,3% so với năm 2014. Trong đó khoản mục giảm đáng kể là tài sản cố định, giảm 49 tỷ đồng so với năm 2014.

Cơ cấu tài sản 2014

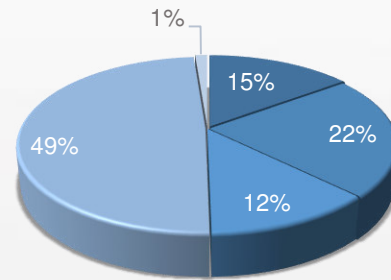
Cơ cấu tài sản 2015



■ Tài sản ngắn hạn
■ Tài sản dài hạn

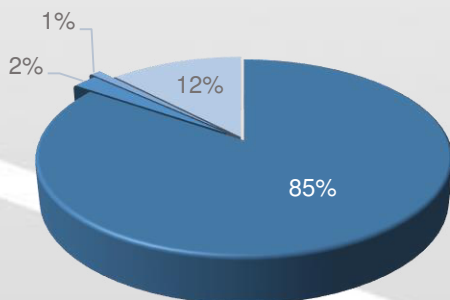
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng chủ yếu, chiếm 49% với giá trị 437 tỷ đồng. Ngoài ra lần lượt là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, chiếm tỷ trọng 23%, với giá trị là 200 tỷ đồng; tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng 15%, với giá trị là 133 tỷ đồng và khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng 12%, với giá trị là 110 tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn của PAC



- Tiền và tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

Cơ cấu tài sản dài hạn của PAC



- Tài sản cố định
- Tài sản dài hạn dở dang
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác

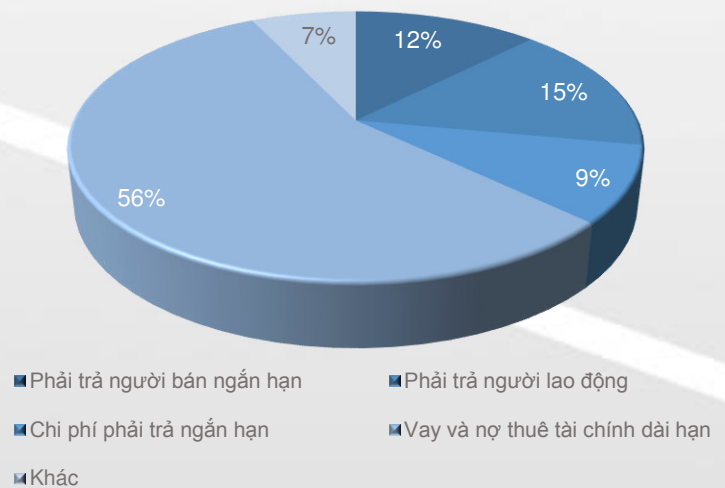
Cơ cấu tài sản dài hạn không có nhiều biến động so với năm 2014 khi tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu, hơn 80% trong cơ cấu tài sản dài hạn, với giá trị là 316 tỷ đồng. Tài sản dở dang dài hạn và đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tài sản dài hạn, lần lượt đạt 8,5 tỷ đồng và 3,6 tỷ đồng. Tài sản dài hạn khác chiếm tỷ trọng 12% trong cơ cấu tài sản dài hạn, đạt 45,8 tỷ đồng.

❖ Tình hình nợ
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% +/- so với 2014
Nợ ngắn hạn	753.981	736.115	2,4%
Nợ dài hạn	4.123	4.123	0,0%
NỢ PHẢI TRẢ	758.104	740.238	2,4%

Cơ cấu nợ trong năm 2015 vẫn được duy trì ổn định so với năm 2014 khi nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Trong đó, nợ ngắn hạn đạt 754 tỷ đồng, chiếm 99,46% trong tổng nợ phải trả, tăng 2,43% so với năm 2014.

Trong nợ ngắn hạn, khoản mục chiếm tỷ trọng chủ yếu là vay ngắn hạn do Công ty sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động hoạt động trong năm. Trong đó, vay ngắn hạn duy trì ở mức 421 tỷ đồng, chiếm 56% trong tổng nợ ngắn hạn. Các khoản mục còn lại gồm khoản phải trả người lao động chiếm 15%, với giá trị 117 tỷ đồng, phải trả người bán chiếm 12%, với giá trị 94 tỷ đồng và chi phí phải trả ngắn hạn chiếm 9%, đạt 69 tỷ đồng.

Cơ cấu nợ ngắn hạn của PAC

Cơ cấu nợ dài hạn của PAC


Nợ dài hạn năm 2015 không thay đổi so với năm 2014 khi Công ty vẫn duy trì duy nhất khoản phải trả dài hạn khác với giá trị 4,1 tỷ đồng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

❖ Nhận định tình hình chung

Năm 2016, với việc tham gia 12 hiệp định thương mại tự do vừa song phương vừa đa phương, cùng với đó là một số hiệp định khác đang được đàm phán và chuẩn bị ký kết, kinh tế Việt Nam được đánh giá khá thuận lợi. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP là 6,7%, thể hiện quyết tâm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế ngay từ năm đầu nhiệm kỳ 2016 - 2020. Tuy nhiên, tình hình xung đột, bất ổn ở một số quốc gia, khu vực và nhất là sự suy giảm của kinh tế Trung Quốc sẽ tác động lớn đến kinh tế Việt Nam.

➤ Thuận lợi

- ◆ Năm 2016, Kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ tiếp tục phục hồi nên sức mua kỳ vọng sẽ được cải thiện. Các hiệp định tự do thương mại có hiệu lực mở ra cơ hội xuất khẩu vào các thị trường lớn. Thêm vào đó, chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng được cải tiến giúp củng cố uy tín của công ty trên thị trường.

➤ Khó khăn

- ◆ Chủ trương hạn chế cho vay ngoại tệ, điều hành tỷ giá linh hoạt của ngân hàng nhà nước sẽ tạo áp lực rất lớn cho công ty trong việc bảo đảm nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Cạnh tranh sẽ ngày càng khốc liệt hơn khi các rào cản được dỡ bỏ dần theo các cam kết tự do thương mại. Tình hình thiên tai, hạn hán ở Miền Trung, Tây nguyên và Tây Nam bộ sẽ ảnh hưởng tới sức mua của thị trường.
- ◆ Sau giai đoạn tăng trưởng cao liên tục, đến nay các nhà máy của Công ty đã và đang hoạt động hết công suất nên trong thời gian tới rất dễ xảy ra tình trạng thiếu hàng.
- ◆ Trong bối cảnh đó, Công ty chủ trương tập trung đẩy nhanh tốc độ đầu tư để tăng năng lực sản xuất, duy trì chất lượng vượt trội, kiểm soát chặt chi phí, tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm và tìm kiếm đối tác phù hợp để hợp tác đổi mới công nghệ, phát triển kinh doanh để tiếp tục cạnh tranh thắng lợi trong giai đoạn hội nhập sâu hơn vào kinh tế quốc tế.



❖ **Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016
Giá trị sản xuất công nghiệp	2.285
Tổng doanh thu	2.440
Lợi nhuận trước thuế	130
Tổng mức đầu tư	79,93
- Xây lắp	28,43
- Thiết bị	49,41
- Khác	2,09

❖ **Nhiệm vụ chung**

- ◆ củng cố và phát triển hệ thống phân phối hiện tại.
- ◆ Tập trung đầu tư và khai thác các phân khúc còn trống và đẩy mạnh tiếp thị, giới thiệu các dòng sản phẩm mới mà thị trường đang có nhu cầu như: ắc quy công nghiệp, ắc quy viễn thông, ISS, pin cao cấp, v.v... Phần đầu hoàn thành kế hoạch doanh thu năm 2016.
- ◆ Đảm bảo hoạt động ổn định. Từng bước đầu tư nâng cấp cả về quy mô và công nghệ sản xuất tại các Xí nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng thống nhất toàn Công ty. Tính toán và quản lý dự trữ hàng tồn kho một cách hợp lý.
- ◆ Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro trong quá trình sản xuất để không ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty cũng như không để các sản phẩm kém chất lượng lọt ra thị trường.
- ◆ Đầu tư nghiên cứu các giải pháp nhằm giảm tiêu hao vật tư, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành đầu ra, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty.

- ◆ Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung nhân sự các vị trí còn thiếu, tìm kiếm bồi dưỡng và phát triển nhân lực tiềm năng, quan tâm đến các chính sách đãi ngộ cho CB-CNV Công ty yên tâm và nỗ lực làm việc nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

❖ **Mục tiêu**

Tăng cường năng lực cạnh tranh nội tại để trụ vững trong quá trình hội nhập. 5 giải pháp Chiến lược, bao gồm:

- ◆ Đảm bảo chất lượng vượt trội ở thị trường trong nước và xuất khẩu.
- ◆ Kiểm soát chặt chi phí để có giá cạnh tranh và tối đa hóa lợi nhuận.
- ◆ Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm: Ắc quy công nghiệp cỡ lớn, nhỏ, pin các loại khác khi thời cơ chín muồi.
- ◆ Tích cực lựa chọn đối tác hợp tác kỹ thuật, sản xuất và kinh doanh để nhanh chóng đổi mới công nghệ, năng lực quản trị và có thêm cơ hội kinh doanh.
- ◆ Hoàn thiện tổ chức, nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, coi đây là động lực chủ yếu cho sự phát triển của công ty.



❖ **Phương hướng, biện pháp cụ thể**

➤ **Công tác Tiêu thụ - Thị trường**

- ◆ Tiếp tục củng cố nhân sự của hệ thống phân phối, theo dõi sát diễn biến của thị trường để có đối sách phù hợp nhằm giữ vững thị trường và phát triển doanh số. Tiếp tục tìm kiếm khách hàng mới để mở rộng xuất khẩu, đặc biệt chú trọng phát triển vào những thị trường có Hiệp định ưu đãi thương mại với Việt Nam.
- ◆ Đầu tư mạnh cho công tác marketing và các chương trình quảng cáo, khuyến mãi nhân sự kiện 40 năm thành lập để quảng bá hình ảnh, thương hiệu PINACO.

➤ **Công tác Đầu tư và Nghiên cứu phát triển**

- ◆ Triển khai nhanh các hạng mục đầu tư nhằm khắc phục các điểm thất cố chai để tăng năng lực sản xuất, kết hợp với từng bước sắp xếp, quy hoạch lại các nhà máy ắc quy và di dời nhà máy pin Con Ó ra KCN Tân Tạo.
- ◆ Nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu thị trường,
- ◆ Đầu tư 9,8 ha đất kế bên nhà máy Ắc quy Đồng Nai 2 để chuẩn bị cho hướng mở rộng sản xuất ắc quy trong thời gian tới và 2 ha đất ở Bắc Ninh để xây dựng tổng kho trung chuyển và văn phòng chi nhánh phía Bắc. Tiếp tục triển khai các bước hợp tác đầu tư khai thác hiệu quả mặt bằng 445 – 447 Gia Phú và 752 Hậu Giang.

➤ **Công tác kỹ thuật sản xuất**

- ◆ Phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có. Điều hành sản xuất linh hoạt nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu thị trường trong điều kiện sản xuất đã ở công suất đỉnh.
- ◆ Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, phấn đấu giảm 2% giá thành bằng các biện pháp tiết kiệm chi phí và sử dụng vật tư nội địa mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm để nâng khả năng cạnh tranh.
- ◆ Bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để kiểm soát chi phí và phòng ngừa rủi ro.
- ◆ Áp dụng hệ thống lương mới, thực hiện việc giao và đánh giá công việc theo KPI và các chế độ, chính sách đãi ngộ mới đi kèm: Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, v.v... cho toàn công ty để thu hút lao động chất lượng cao.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

❖ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- ◆ Đối với nước thải: Tất cả các xí nghiệp của PINACO đều có đầu tư hệ thống xử lý nước thải 24/24. Tất cả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra bên ngoài, hay thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Riêng nước thải sau xử lý tại XN Ấc quy Đồng Nai được tái sử dụng lại, nhằm góp phần tiết kiệm nước sử dụng và giảm thiểu tác động đến môi trường. Bình quân lượng nước tái sử dụng là 20 m³/ ngày.
- ◆ Đối với bụi - khí thải: PINACO đầu tư hệ thống xử lý bụi – khí thải tại tất cả các xí nghiệp nhà máy, khu vực có phát sinh bụi, hơi khí độc. Cụ thể: hệ thống xử lý hơi axit tại các phân xưởng hóa thành của các xí nghiệp sản xuất ắc quy, các hệ thống xử lý bụi, khí độc thải ra từ các nồi nấu chì, kẽm, cưa cắt thẻ, lắp ráp, v.v...
- ◆ Đối với chất thải rắn – chất thải nguy hại: Công ty có đầu tư kho chứa tạm đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường, ký hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom tái chế các chất thải rắn và tái sử dụng chì, kẽm thu hồi từ: xỉ kẽm, xỉ chì, phế liệu chì, v.v...
- ◆ Đối với chất thải sinh hoạt: ký hợp đồng với các đơn vị chuyên trách xử lý chất thải sinh hoạt để thu gom vận chuyển và xử lý nhằm đảm bảo môi trường.

❖ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã thành lập hội đồng bảo hộ lao động, nhằm kiểm tra giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn công ty, thực hiện trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động đúng với ngành nghề công việc. Công ty cũng chủ động bồi dưỡng, trợ cấp độc hại và tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động đúng theo quy định của Nhà nước. Định kỳ, tổ chức đi nghỉ mát nhằm giải tỏa căng thẳng, nâng cao tinh thần cũng như hiệu quả, trách nhiệm trong công việc cho người lao động. Ngoài ra, Chính quyền và Công đoàn thường xuyên tổ chức các phong trào hội thi nấu ăn, hội thao, hội diễn văn nghệ quần chúng tạo sân chơi lành mạnh cho CBCNV sau những giờ làm việc căng thẳng.

❖ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

PINACO luôn chủ động và tích cực tham gia công tác xã hội như góp đá xây dựng Trường Sa; xây nhà tình thương ở Quận 1, Quận 6; lớp học tình thương; vận động quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt; tổ chức thăm và tặng quà cho những người già tàn tật và trẻ em mồ côi neo đơn không nơi nương tựa vào mỗi dịp xuân về.



Phần IV

ĐÁNH GIÁ CỦA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PINACO

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015

Năm 2015, do có nhiều yếu tố tích cực từ nền kinh tế vĩ mô nên hoạt động kinh doanh của Công ty khá thuận lợi, đặc biệt ngành ô tô có tốc độ tăng trưởng rất cao đã góp phần tạo thêm nhu cầu sử dụng ắc quy trong nước. Các chính sách khuyến khích bán hàng hợp lý đã tạo sức cạnh tranh có phần vượt trội trên thị trường.

Thị trường xuất khẩu có giai đoạn bị khó khăn do Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu tại một số Quốc gia như: Campuchia, Myanmar, Malaysia, Brunei, Philippine, v.v...

Hoạt động sản xuất khá ổn định, trong năm công ty đã đầu tư bổ sung một số thiết bị để nâng năng lực sản xuất để đáp ứng cho nhu cầu tăng trưởng của thị trường. Giá cả một số loại vật tư chủ yếu, giá xăng dầu có nhiều giai đoạn giảm sâu cũng là điều kiện tốt cho hoạt động kinh doanh.

Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2015 đã thông qua kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu: Doanh thu là 2.100 tỷ đồng, lợi nhuận là 100 tỷ đồng, cổ tức là 15% (1.500 đồng/cp). Năm 2015, công ty phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch giao, cụ thể: đã thực hiện được 2.260 tỷ đồng về doanh thu, vượt 160 tỷ đồng so với kế hoạch ban đầu, lợi nhuận đạt 121 tỷ đồng, vượt 21 tỷ so với kế hoạch. Về cổ tức, công ty đã chia đủ 15% tiền mặt (lần 1 chia 8% vào tháng 07/2015, lần 2 chia 7% vào tháng 12/2015), như vậy kế hoạch cổ tức năm 2015 đã hoàn thành. Tuy nhiên, với hiệu quả kinh doanh đạt được trong năm 2015. HĐQT dự kiến phương án chia cổ tức cho năm 2015 là 25% và trả bằng tiền. Nếu được Đại hội thông qua thì 10% còn lại sẽ làm thủ tục chia ngay sau khi có Nghị quyết ĐHCĐ.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở các dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, căn cứ vào kế hoạch phát triển công ty đến năm 2016. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung sau:

Chỉ tiêu kinh doanh:

Tổng doanh thu: **2.440 tỷ đồng**, bằng 108% so với thực hiện năm 2015

Lợi nhuận trước thuế: **130 tỷ đồng**, bằng 107% so với thực hiện năm 2015

Cổ tức: Tối thiểu là **12%**.

Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong ngắn hạn tiếp tục đầu tư thiết bị lên nâng công suất đáp tăng trưởng của thị trường, nghiên cứu đầu tư thiết bị công suất lớn, hiện đại, năng suất cao, đồng bộ hóa với việc quy hoạch sản xuất tập trung ngành ốc quy tại Nhơn Trạch.
- Tiếp tục nghiên cứu và tìm nguồn đầu tư công nghệ sản xuất: ốc quy công nghiệp, ốc quy viễn thông, ISS, pin cao cấp, v.v... để có thêm cơ hội tăng trưởng.
- Chỉ đạo triển khai công tác di dời Xí nghiệp Pin con ó, kết hợp với quy hoạch ngành ốc quy. Di dời vẫn đảm bảo đáp ứng đủ sản phẩm cho thị trường.
- Giao chỉ tiêu phấn đấu với mục tiêu giảm được 2% giá thành sản xuất trên cơ sở phát huy sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý sản xuất, kỹ thuật, triển khai tuyên truyền vận động thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Triển khai hợp tác thác cơ sở đất tại 752 Hậu Giang, thu tiền đền bù phục vụ việc di dời Xí nghiệp Pin con ó.





Phần V

BÁO CÁO QUẢN TRỊ



PINACO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	% CP sở hữu
1	Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	Không có
3	Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Chiếm VĐL 0,274%
4	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT	Chiếm VĐL 0,074%
5	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT	Chiếm VĐL 0,17%
6	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT	Chiếm VĐL 0,006%

➤ **Các thay đổi thành viên HĐQT:**

- Ông Trần Thanh Văn thôi làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 13/04/2015.
- Ông Lâm Thái Dương được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 13/04/2015, miễn nhiệm từ ngày 29/02/2016.
- Ông Phan Văn Tiền được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 29/02/2016.

❖ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** không có❖ **Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

Tất cả thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

❖ Hoạt động của HĐQT**Các cuộc họp của HĐQT**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Lâm Thái Dương	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%
3	Trần Thanh Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12/12	100%
4	Ngô Đình Luyện	Thành viên HĐQT	12/12	100%
5	Phạm Kiều Diễm	Thành viên HĐQT	12/12	100%
6	Cao Trọng Miên	Thành viên HĐQT	12/12	100%

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành các Nghị quyết và Quyết định như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	151/QĐ-HĐQT	13/04/2015	- Ông Trần Thanh Văn thôi làm Chủ tịch HĐQT
2	152/QĐ-HĐQT	13/04/2015	- Bổ Nhiệm ông Lâm Thái Dương - Chủ tịch HĐQT.
3	190/QĐ-PA	12/05/2015	- Bổ Nhiệm ông Lê Văn Năm - Phó tổng giám đốc.
4	189/QĐ-PA	12/05/2015	- Bổ Nhiệm ông Nguyễn Duy Hưng – Kế toán trưởng.
5	298/NQ-HĐQT/2015	14/07/2015	- Giao kế hoạch SXKD quý 3/2015, rà soát sửa đổi bổ sung quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty theo Luật DN 2015, thông qua chủ trương di dời XN Pin con ó, mua 2000 m ² tại khu VISIT Bắc ninh để xây kho, văn phòng chi nhánh HN và một số hạng mục đầu tư khác.

6	353/NQ-HĐQT/2015	31/08/2015	- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 tỷ lệ 8%
7	403/NQ-HĐQT/2015	6/10/2015	- Giao kế hoạch SXKD quý 4/2015, rà soát sửa đổi bổ sung quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty theo Luật DN 2015, Thông qua chủ trương mua 5000 m ² tại khu VISIT Bắc ninh để xây kho, văn phòng chi nhánh HN
8	533/QĐ-PA	20/11/2015	- Quyết định ông Nguyễn Hồng Phúc – GD XN Ấc quy Đồng Nai – nghỉ hưu theo chế độ
9	535/NQ-HĐQT/2015	20/11/2015	- Giao kế hoạch SXKD tháng 11 - 12//2015, thông qua chủ trương di dời XN Pin con ó, tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư tại khu đất 752 Hậu giang, Q6, TPHCM có diện tích 17.000 m ² ; mua 2.000 m ² tại khu VISIT Bắc ninh để xây kho, văn phòng chi nhánh HN và một số hạng mục đầu tư khác.

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	% CP sở hữu
1	Tạ Duy Linh	Trưởng Ban	Chiếm 0,084% VĐL
2	Vũ Nhất Tâm	Thành viên	Chiếm 0,075% VĐL
3	Võ Thị Cẩm Hồng	Thành viên	Chiếm 0,004% VĐL

❖ Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2015 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT, các Quyết định điều hành của Tổng giám đốc năm 2015.
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định HĐQT, của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, đảm bảo phù hợp với quy trình triển khai thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét các báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm 2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam năm 2015.
- Kiểm soát hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên ban Tổng giám đốc, bộ máy quản lý, sự phù hợp trong điều hành hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, các giao dịch cá nhân của thành viên HĐQT, thành viên ban Tổng giám đốc liên quan đến lợi ích của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, có ý kiến đóng góp trực tiếp đến tính hợp lý hợp pháp từ các Nghị quyết và các quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc.
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định pháp luật
- Thảo luận với kiểm toán viên liên quan đến nội dung kiểm toán và kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm.
- Thực hiện việc kiểm tra rà soát báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2015 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 của HĐQT công ty trước khi trình Đại hội cổ đông.
- Giám sát trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

❖ Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

- Về tình hình hoạt động tài chính của Công ty: Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Pin Ác quy Miền Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Ban kiểm soát nhận thấy Công ty đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong công tác tổ chức kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm. Đảm bảo tính trung thực, chính xác và cẩn trọng
- Về các Nghị quyết HĐQT: Các Nghị quyết do HĐQT ban hành đúng theo quy định của Nhà Nước, đảm bảo tuân thủ điều lệ hoạt động Công ty.
- Về hoạt động của Ban điều hành: Ban điều hành Công ty luôn chấp hành pháp luật của Nhà Nước, thực hiện đúng các quy định Công ty. Triển khai xây dựng các quy chế, quy định phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chính sách, pháp luật của Nhà Nước. Nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao
- Trong các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT đều có ít nhất 01 thành viên Ban kiểm soát tham dự và đóng góp ý kiến.

❖ Kết quả sự điều phối hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

- Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT Công ty về các nội dung kiểm tra, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại công ty, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát này.
- HĐQT Công ty đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty khi có yêu cầu.
- HĐQT Công ty, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động của Công ty
- Đối với cổ đông: Trong năm 2015, Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Đánh giá và kiến nghị

Đánh giá chung:

- Trong năm 2015, Ban kiểm soát không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.



- PINACO đã tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật trong hoạt động quản lý Công ty cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông.
- Năm 2015 PINACO không phát sinh tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án.
- Chế độ hạch toán kế toán tuân thủ về cơ bản theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp các báo cáo kế toán kịp thời cho các cấp thẩm quyền.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định
- Trong năm 2015, Công ty có tiếp Đoàn Thanh tra thuế của Tổng cục Thuế kiểm tra việc chấp hành Luật thuế của công ty trong năm 2014. Kết quả kiểm tra như sau:
 - + Tăng thuế GTGT đầu ra với tổng số tiền là 125.178.475 đồng
 - + Tổng lợi nhuận chịu thuế tăng thêm là 3.209.432.822 đồng
 - + Tăng thuế nhà thầu với tổng số tiền là 327.009.000 đồng

❖ **Kiến nghị**

Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục rà soát lại các Quy chế cũ để hoàn chỉnh ban hành các quy chế mới phù hợp với thay đổi của Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, v.v... và tình hình thực tế hiện nay của Công ty.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các nội quy, quy định của Công ty, chính sách pháp luật của Nhà Nước tại các phòng ban Công ty, xí nghiệp và chi nhánh.
- Các khoản phải thu của khách hàng thời điểm 31/12/2015 giảm mạnh so với năm 2014, tuy nhiên các khoản nợ xấu và nợ khó đòi, Công ty cần có các giải pháp hiệu quả nhằm nhanh chóng thu hồi các khoản nợ này vì Công ty không nắm giữ tài sản thế chấp nào từ khách hàng.
- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí, duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất, v.v... chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

❖ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2015

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
Hội đồng quản trị			
1	Lâm Thái Dương	Chủ tịch	81.000.000
2	Trần Thanh Văn	Thành viên	81.000.000
3	Ngô Đình Luyện	Thành viên	72.000.000
4	Phạm Kiều Diễm	Thành viên	72.000.000
5	Cao Trọng Miên	Thành viên	72.000.000
Ban kiểm soát			
1	Tạ Duy Linh	Trưởng Ban	72.000.000
2	Vũ Nhất Tâm	Thành viên	48.000.000
3	Võ Thị Cẩm Hồng	Thành viên	48.000.000

❖ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan**

- ✓ Ông Vũ Nhất Tâm – TV Ban kiểm soát mua 5.930 cổ phiếu;
- ✓ KITMC worldwide Vietnam RSP balanced fund – cổ đông lớn bán 150.000 cổ phiếu;
- ✓ Bà Đỗ Thị Ngân vợ ông Trần Thanh văn – TV HĐQT/TGD mua 10.000 cổ phiếu;
- ✓ Ông Trần Phước Tuấn, chồng bà Phạm Kiều Diễm – TV HĐQT mua 10.000 cổ phiếu.

❖ **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị công ty theo quy định theo Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.



PINACO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015

Cho năm kết thúc ngày 31/12/2015

(Đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 13) ngày 18 tháng 12 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Tiền

Chủ tịch

(từ ngày 29 tháng 2 năm 2016)

Ông Lâm Thái Dương

Chủ tịch

(đến ngày 29 tháng 2 năm 2016)

Ông Trần Thanh Văn

Chủ tịch

(đến ngày 13 tháng 4 năm 2015)

Bà Phạm Kiều Diễm

Thành viên

Ông Ngô Đình Luyện

Thành viên

Ông Cao Trọng Miên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Vũ Nhất Tâm

Thành viên

Bà Võ Thị Cẩm Hồng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Năm

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 12 tháng 5 năm 2015)

Bà Nguyễn Bảo Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 30 tháng 4 năm 2015)

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2016 được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-257



Hà Vũ Đình

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Đặng Trung Hoàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01- DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		890.569.482.441	839.740.339.216
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	132.718.096.879	200.636.882.571
Tiền	111		92.718.096.879	160.636.882.571
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000.000	145.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	200.000.000.000	145.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.863.293.067	64.339.966.056
Phải thu của khách hàng	131	8	72.266.232.794	52.373.840.212
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.550.166.480	5.821.567.338
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.037.746.085	8.122.965.450
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.051.100.538)	(2.041.490.118)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		60.248.246	63.083.174
Hàng tồn kho	140	11	437.076.456.605	421.031.292.994
Hàng tồn kho	141		452.572.826.457	424.239.967.169
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.496.369.852)	(3.208.674.175)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.911.635.890	8.732.197.595
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.720.897.514	3.027.173.889
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.190.738.376	5.705.023.706
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		373.644.583.331	411.949.672.904
Tài sản cố định	220		315.661.022.116	364.494.340.121
Tài sản cố định hữu hình	221	12	284.914.847.976	333.229.376.890
Nguyên giá	222		719.779.006.909	711.809.189.486
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(434.864.158.933)	(378.579.812.596)
Tài sản cố định vô hình	227	13	30.746.174.140	31.264.963.231
Nguyên giá	228		57.567.728.716	55.780.846.048
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.821.554.576)	(24.515.882.817)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.542.154.671	5.634.772.664
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	8.542.154.671	5.634.772.664
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	3.600.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	3.600.000.000	3.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		45.841.406.544	38.220.560.119
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.407.932.898	6.544.748.557
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	9.005.082.120	4.024.530.683
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11	34.248.891.526	27.460.880.879
Tài sản dài hạn khác	268		179.500.000	190.400.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.264.214.065.772	1.251.690.012.120

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ(300 = 310 + 330)	300		758.103.792.756	740.238.412.342
Nợ ngắn hạn	310		753.980.792.756	736.115.412.342
Phải trả người bán	311	18	94.330.348.979	95.569.286.119
Người mua trả tiền trước	312		13.886.036.753	7.675.620.874
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	19.700.051.233	18.507.028.249
Phải trả người lao động	314		116.533.424.916	79.028.472.138
Chi phí phải trả	315	20	69.038.956.110	34.404.052.268
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.143.885.410	1.080.124.549
Vay ngắn hạn	320	22	421.442.078.873	487.353.040.594
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	7.281.312.372	6.908.915.025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.624.698.110	5.588.872.526
Nợ dài hạn	330		4.123.000.000	4.123.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		4.123.000.000	4.123.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	400		506.110.273.016	511.451.599.778
Vốn chủ sở hữu	410	24	506.110.273.016	511.451.599.778
Vốn cổ phần	411	25	309.812.930.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	415	25	(14.419.110.657)	(14.419.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	93.729.583.577	84.681.949.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.691.781.341	109.015.241.950
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		109.015.241.950	103.482.528.318
- LNST chưa phân phối năm này	421b		25.548.585.891	18.845.229.132
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.264.214.065.772	1.251.690.012.120

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Ánh
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

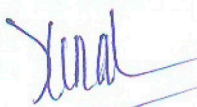
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	2.260.209.841.679	2.027.040.357.716
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		143.408.191.619	709.510.303
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.116.801.650.060	2.026.330.847.413
Giá vốn hàng bán	11		1.744.354.988.585	1.648.833.334.537
Lợi nhuận gộp(20 = 10 - 11)	20		372.446.661.475	377.497.512.876
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	19.872.808.195	21.072.874.462
Chi phí tài chính	22	31	39.189.490.696	29.871.898.662
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.590.403.327	18.685.358.217
Chi phí bán hàng	25		193.326.804.581	237.435.997.702
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		38.429.206.262	36.504.132.087
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		121.373.968.131	94.758.358.887
Thu nhập khác	31	32	2.059.505.301	1.007.403.833
Chi phí khác	32		2.481.632.164	319.183.377
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(422.126.863)	688.220.456
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		120.951.841.268	95.446.579.343
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	35.456.054.235	20.596.732.106
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(4.980.551.437)	441.258.526
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		90.476.338.470	74.408.588.711
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.334	1.920

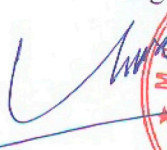

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng Trần Thanh Văn
Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		120.951.841.268	95.446.579.343
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		65.945.157.314	64.715.832.777
Các khoản dự phòng	03		12.669.703.444	(4.498.539.546)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(776.394.263)	1.406.045.534
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(449.579.272)	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(15.164.835.369)	(18.213.224.915)
Chi phí lãi vay	06		9.590.403.327	18.685.358.217
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		192.766.296.449	157.542.051.410
Biến động các khoản phải thu	09		(33.816.737.199)	59.454.185.599
Biến động hàng tồn kho	10		(871.978.409)	48.121.163.168
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		73.263.465.797	(171.468.184.441)
Biến động chi phí trả trước	12		(35.081.727.304)	2.845.284.726
			196.259.319.334	96.494.500.462
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.590.403.327)	(18.975.614.115)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.020.168.674)	(27.107.691.181)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.916.571.648)	(10.033.680.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		146.732.175.685	40.377.515.114
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(20.025.283.247)	(25.234.400.051)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		449.579.272	-
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi ngân hàng	23		(55.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư từ tiền gửi ngân hàng	24		-	30.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		10.946.974.258	20.225.779.373
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(63.628.729.717)	25.491.379.322

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.788.397.194.972	1.413.544.832.516
Tiền trả nợ gốc vays	34		(1.854.621.331.799)	(1.406.799.610.860)
Tiền trả cổ tức	36		(85.865.268.000)	(71.887.583.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(152.089.404.827)	(65.142.362.044)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(68.985.958.859)	726.532.392
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		200.636.882.571	199.966.907.621
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.067.173.167	(56.557.442)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	132.718.096.879	200.636.882.571

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

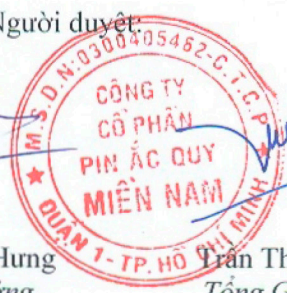
Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Ánh
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:


 Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng


 Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1.081 nhân viên (1/1/2015: 1.096 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây.

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(a));
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(q)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm
- Dụng cụ văn phòng 2 – 5 năm
- Khác 5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định bởi số trước khi phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.712.281.990.909	1.623.040.949.759	404.519.659.151	403.289.897.654	2.116.801.650.060	2.026.330.847.413
Chi tiêu vốn	20.025.283.247	25.234.400.051	-	-	20.025.283.247	25.234.400.051
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản của bộ phận	1.264.214.065.772	1.251.690.012.120	-	-	1.264.214.065.772	1.251.690.012.120

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	433.178.872	740.367.151
Tiền gửi ngân hàng	92.284.918.007	159.896.515.420
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	40.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	132.718.096.879	200.636.882.571
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có thời gian đáo hạn dưới ba tháng từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm từ 6,2% đến 6,7% (2014: 5,2%).

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,7% đến 7% (2014: 6,2% đến 7,8%).

8. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chea Ly Veng	14.855.982.856	8.923.978.361
Công ty Honda Việt Nam	7.649.654.215	6.700.613.938
Các khách hàng khác	49.760.595.723	36.749.247.913
	<hr/>	<hr/>
	72.266.232.794	52.373.840.212
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	9.364.111.111	5.146.250.000
Tạm ứng cho nhân viên	2.563.117.017	2.957.993.693
Phải thu khác	110.517.957	18.721.757
	<hr/>	<hr/>
	12.037.746.085	8.122.965.450
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Phương	Trên 3 năm	1.361.678.197	1.361.678.197	-	Từ 2 đến 3 năm	1.361.678.197	1.361.678.197	-
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực	Trên 3 năm	256.132.002	256.132.002	-	Từ 2 đến 3 năm	256.132.002	256.132.002	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Phương	Từ 2 đến 3 năm	151.677.800	109.173.800	42.504.000	Từ 2 đến 3 năm	161.677.800	81.648.460	80.029.340
Công ty Cổ Phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
Khác	Trên 3 năm	263.308.834	209.164.539	54.144.295	Trên 3 năm	516.968.993	227.079.459	289.889.534
		<u>2.147.748.833</u>	<u>2.051.100.538</u>	<u>96.648.295</u>		<u>2.411.408.992</u>	<u>2.041.490.118</u>	<u>369.918.874</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>2.051.100.538</u>	<u>2.041.490.118</u>
---	----------------------	----------------------

Ban Giám đốc Công ty tin rằng dự phòng phải thu khó đòi là phù hợp. Các khoản phải thu quá hạn khác có thể thu hồi được.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	131.042.277.032	-	159.784.651.608	-
Thành phẩm	128.343.764.791	(1.275.915.461)	111.363.428.772	(1.805.036.889)
Sản phẩm dở dang	111.595.355.300	-	96.061.594.692	-
Hàng mua đang đi trên đường	78.772.670.195	-	40.421.769.898	-
Công cụ và dụng cụ- ngắn hạn	2.797.803.524	-	16.450.558.153	-
Hàng hóa	20.955.615	-	157.964.046	-
	452.572.826.457	(1.275.915.461)	424.239.967.169	(1.805.036.889)
Công cụ và dụng cụ- dài hạn	34.248.891.526	(14.220.454.391)	27.460.880.879	(1.403.637.286)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	3.208.674.175	5.522.386.663
Tăng dự phòng trong năm	24.199.411.608	3.208.674.175
Hoàn nhập dự phòng	(11.911.715.931)	(5.522.386.663)
Số dư cuối năm	15.496.369.852	3.208.674.175
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thành phẩm</i>	<i>1.275.915.461</i>	<i>1.805.036.889</i>
<i>Công cụ và dụng cụ dài hạn</i>	<i>14.220.454.391</i>	<i>1.403.637.286</i>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm giá trị giảm giá của thành phẩm và chậm luân chuyển của công cụ và dụng cụ.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	131.429.785.375	549.701.123.972	20.746.648.145	8.650.726.694	1.280.905.300	711.809.189.486
Tăng trong năm	4.123.477.847	5.977.345.323	-	437.900.000	-	10.538.723.170
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	428.332.910	732.548.001	3.631.414.491	-	-	4.792.295.402
Thanh lý	(233.516.374)	(5.953.564.093)	(906.772.000)	(187.504.640)	-	(7.281.357.107)
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	-	-	(22.727.273)	(57.116.769)	-	(79.844.042)
Số dư cuối năm	135.748.079.758	550.457.453.203	23.448.563.363	8.844.005.285	1.280.905.300	719.779.006.909
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	51.657.672.283	305.840.839.807	12.904.654.198	7.441.621.501	735.024.807	378.579.812.596
Khấu hao trong năm	9.013.562.524	51.177.467.036	2.085.993.125	1.139.874.310	222.588.560	63.639.485.555
Thanh lý	(233.516.374)	(5.953.564.093)	(906.772.000)	(187.504.640)	-	(7.281.357.107)
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	-	-	(22.727.273)	(51.054.838)	-	(73.782.111)
Số dư cuối năm	60.437.718.433	351.064.742.750	14.061.148.050	8.342.936.333	957.613.367	434.864.158.933
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	79.772.113.092	243.860.284.165	7.841.993.947	1.209.105.193	545.880.493	333.229.376.890
Số dư cuối năm	75.310.361.325	199.392.710.453	9.387.415.313	501.068.952	323.291.933	284.914.847.976

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 156.481 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 157.045 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	47.293.702.056	5.055.248.004	3.431.895.988	55.780.846.048
Tăng trong năm	-	-	316.382.668	316.382.668
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.470.500.000	1.470.500.000
Số dư cuối kỳ	47.293.702.056	5.055.248.004	5.218.778.656	57.567.728.716
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	20.158.018.795	3.671.484.825	686.379.197	24.515.882.817
Khấu hao trong kỳ	543.360.877	585.863.663	1.176.447.219	2.305.671.759
Số dư cuối kỳ	20.701.379.672	4.257.348.488	1.862.826.416	26.821.554.576
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	27.135.683.261	1.383.763.179	2.745.516.791	31.264.963.231
Số dư cuối kỳ	26.592.322.384	797.899.516	3.355.952.240	30.746.174.140

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 19.398 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 25.097 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	5.634.772.664	13.375.490.473
Tăng trong năm	9.170.177.409	24.087.864.369
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.792.295.402)	(28.396.686.190)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.470.500.000)	(3.431.895.988)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.542.154.671	5.634.772.664

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Máy móc và thiết bị	3.843.033.354	1.082.733.766
Khác	4.699.121.317	4.552.038.898
	<hr/>	<hr/>
	8.542.154.671	5.634.772.664

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Bất động sản Việt Gia Phú, chi tiết như sau:

Đơn vị	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ban hành lần đầu vào ngày 6 tháng 12 năm 2010 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2014.	2,25%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.544.748.557
Tăng trong năm	1.319.579.225
Phân bổ trong năm	(5.456.394.884)
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.407.932.898
	<hr/>

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí phải trả	4.627.244.636	1.774.528.218
Dự phòng bảo hành	1.274.589.492	1.519.961.306
Dự phòng phải thu khó đòi	3.974.022	24.132.840
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.099.273.970	705.908.319
	<hr/>	<hr/>
	9.005.082.120	4.024.530.683
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	-	-	20.915.954.513	20.915.954.513
Thai United Industry Company Limited	9.137.011.000	9.137.011.000	6.515.346.510	6.515.346.510
Khác	85.193.337.979	85.193.337.979	68.137.985.096	68.137.985.096
	94.330.348.979	94.330.348.979	95.569.286.119	95.569.286.119

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	754.781.280	754.781.280	2.034.886.080	2.034.886.080
Xí nghiệp Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn Bình Dương	16.478.000	16.478.000	16.893.800	16.893.800
Xí nghiệp Hơi Kỹ Nghệ Biên Hòa	-	-	2.395.800	2.395.800
	771.259.280	771.259.280	2.054.175.680	2.054.175.680

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.529.330.583	35.456.054.235	-	(35.020.168.674)	3.965.216.144
Thuế thu nhập cá nhân	474.075.072	2.989.855.166	-	(2.971.945.312)	491.984.926
Thuế giá trị gia tăng	671.700.114	396.887.373.496	(381.130.869.576)	(11.779.555.048)	4.648.648.986
Phí thuê đất và các loại thuế khác	13.831.922.480	5.151.821.954	-	(8.389.543.257)	10.594.201.177
	18.507.028.249	440.485.104.851	(381.130.869.576)	(58.161.212.291)	19.700.051.233

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Chi phí phải trả

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chiết khấu, chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối	62.761.364.847	29.767.223.959
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	1.520.097.568	-
Phí vận chuyển	3.626.517.141	3.671.000.000
Chi phí lãi vay	614.306.554	376.316.217
Chi phí phải trả khác	516.670.000	589.512.092
	<hr/>	<hr/>
	69.038.956.110	34.404.052.268
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	885.648.580	903.096.200
Bảo hiểm xã hội	95.582.084	118.010.653
Phải trả khác	162.654.746	59.017.696
	<hr/>	<hr/>
	1.143.885.410	1.080.124.549
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	487.353.040.594	487.353.040.594	1.788.710.370.078	(1.854.621.331.799)	421.442.078.873	421.442.078.873

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	USD	1,8%	-	64.330.452.147
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	1,5 % - 2,2%	22.561.844.637	135.312.202.369
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	1,5 % - 1,8%	-	152.761.504.345
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	4,1%	255.543.655.266	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	USD	1,5%	5.869.629.014	59.637.713.160
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	VND	4,1-4,3%	47.438.626.149	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	USD	1,4%	26.038.681.089	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	USD	1,4%-1,45%	63.989.642.718	-
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Viettin Bank) (*)	VND	2,2% - 2,8%	-	49.687.568.573
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (*)	VND	3,5%	-	25.623.600.000
			421.442.078.873	487.353.040.594

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

- (*) Các khoản vay ngắn hạn này là các khoản vay bằng tiền Việt Nam Đồng nhưng được áp dụng lãi suất cho vay của các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Đô-la Mỹ.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.908.915.025	8.828.683.963
Dự phòng lập trong năm	908.364.914	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(535.967.567)	(1.919.768.938)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.281.312.372	6.908.915.025

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	77.241.086.359	103.482.528.318	498.478.022.775
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	74.408.588.711	74.408.588.711
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(53.250.062.000)	(53.250.062.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	7.440.863.371	(7.440.863.371)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(8.184.949.708)	(8.184.949.708)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	84.681.949.730	109.015.241.950	511.451.599.778
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	90.476.338.470	90.476.338.470
Cổ tức bằng tiền mặt (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(85.865.268.000)	(85.865.268.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	39.934.500.000	-	-	-	(39.934.500.000)	-
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	9.047.633.847	(9.047.633.847)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.952.397.232)	(9.952.397.232)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	309.812.930.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	93.729.583.577	54.691.781.341	506.110.273.016

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.981.293	309.812.930.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.981.293	309.812.930.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(362.812)	(14.419.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.618.481	295.393.819.343	26.625.031	266.250.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm (không bao gồm cổ phiếu quỹ)	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000
Cổ phiếu cổ tức phát hành trong năm	3.993.450	39.934.500.000	-	-
Số dư cuối năm	30.618.481	306.184.810.000	26.625.031	266.250.310.000

26. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 13 tháng 4 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu là 39.935 triệu VND và bằng tiền 85.865 triệu VND. Trong đó 45.927 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2015 và 79.872 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	986.400.000	1.609.600.000
Trong vòng hai đến năm năm	655.000.000	452.000.000
	1.641.400.000	2.061.600.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.567.494,1 USD	35.189.521.785	732.891 USD	15.649.008.501
EUR	245,9 EUR	6.005.343	-	-
		35.195.527.128		15.649.008.501

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	42.396.905.409	7.253.919.595

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.164.835.369	18.213.224.915
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.611.758.684	2.766.240.615
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện do đánh giá lại	1.096.214.142	93.408.932
	<hr/>	<hr/>
	19.872.808.195	21.072.874.462

31. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.590.403.327	18.685.358.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.422.683.519	9.687.085.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện do đánh giá lại	319.819.879	1.499.454.466
Chi phí tài chính khác	856.583.971	-
	<hr/>	<hr/>
	39.189.490.696	29.871.898.662

32. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
Bán phế liệu	1.025.862.254	822.337.926
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	449.579.272	-
Thu nhập khác	584.063.775	185.065.907
	<hr/>	<hr/>
	2.059.505.301	1.007.403.833

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.413.437.166.081	1.329.920.827.243
Chi phí nhân công	222.231.762.021	183.958.963.423
Chi phí khấu hao	65.945.157.314	64.715.832.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.415.962.641	93.521.574.748
Chi phí khác	168.150.697.005	239.398.960.892
	<hr/>	<hr/>
	1.977.180.745.062	1.911.516.159.083
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.122.379.969	20.840.132.391
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.333.674.266	(243.400.285)
	<hr/>	<hr/>
	35.456.054.235	20.596.732.106
	<hr/>	<hr/>
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoãn nhập các chênh lệch tạm thời	(4.980.551.437)	441.258.526
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	30.475.502.798	21.037.990.632
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	120.951.841.268	95.446.579.343
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	26.609.405.079	20.998.247.455
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	900.508.212	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	631.915.241	283.143.462
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.333.674.266	(243.400.285)
	<hr/>	<hr/>
	30.475.502.798	21.037.990.632
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng phúc lợi là 71.476.307.391 VND (2014: 58.782.775.632VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 30.618.481 (2014: 30.618.481), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	71.476.307.391	58.782.775.632

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014 (điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.625.031	26.625.031
Ảnh hưởng của số cổ phiếu cổ tức phát hành ngày 2 tháng 6 năm 2015	3.993.450	3.993.450
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	30.618.481	30.618.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.334	1.920

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015	2014
	VND	VND
Các cổ đông		
Trả cổ tức	85.865.268.000	53.250.062.000
Các bên liên quan		
Mua vật liệu	21.226.503.570	31.766.942.737
Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao	1.471.588.015	4.444.751.077

37. Các hoạt động đầu tư phi tiền tệ

	2015	2014
	VND	VND
Cổ tức bằng cổ phiếu	39.934.500.000	-
Góp vốn vào Việt Gia Phú bằng tiền vay từ Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh và Du lịch Hiệp Phúc	-	3.600.000.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	145.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	145.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	8.122.965.450	5.228.054.931
Tài sản thiếu chờ xử lý	63.083.174	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.957.993.693
Hàng tồn kho	424.239.967.169	451.700.848.048
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	27.460.880.879	-

Ngày 14 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc



PINACO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Handwritten signature

TRAN THANH VÂN